TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/HNGĐ-ST
Ngày:31/3/2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

2. Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh An Giang. Tạm trú: Số X ấp B, xã P, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Đồng Văn S, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Ấp c, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Tạm trú: Số X, tổ 23, khu phố 4, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Bà Bùi Thị D và ông Đồng Văn S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 41/2014, ngày 24/3/2014. Quá trình sống chung, có 01 người con chung là Đồng Thị Yến N, sinh ngày 23/5/2014. Sau khi kết hôn thì bà D, ông S chuyển lên Bình Dương sinh sống và tạm trú tại địa chỉ số 069, tổ 23, khu phố 4, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu gia đình hạnh phúc tuy nhiên đến cuối năm 2015 thì vợ chồng bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S không lo làm ăn, hay uống rượu và không có trách Nhệm với vợ con. Về con chung thì bà D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đồng Văn S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng ông S không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng theo yêu cầu của bà D. Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông S cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 15/11/2021, nguyên đơn bà Bùi Thị D thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung. Bà D xác định hiện nay cháu Nh đang được ông S cùng gia đình ông S chăm sóc, nuôi dưỡng và tạo điều kiện học tập nên bà D đồng ý cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 15/11/2021, bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị D khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đồng Văn S. Bị đơn ông Đồng Văn S có đăng ký tạm trú và đang cư trú tại phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Bùi Thị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Đồng Văn S vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Bà Bùi Thị D và ông Đồng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà D yêu cầu được ly hôn với ông S vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh Nhều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm. Trong sinh hoạt gia đình, ông S không có trách Nhệm với vợ con, gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã không còn sống chung, không

còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống từ năm 2016 cho đến nay. Theo biên bản xác minh ngày 03/12/2021 thì đại diện chính quyền địa phương nơi bà D và ông S tạm trú tại phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà D và ông S, đồng thời cũng không ghi nhận được tình trạng mâu thuẫn cụ thể của bà D và ông S. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy Nhên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà D và ông S đã không đạt được. Quá trình giải quyết, ông S mặc dù đã được thông báo về việc bà D có yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhưng ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà D hoặc có đơn trình bày lý do bất khả kháng để không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh Nhều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Bùi Thị D và ông Đồng Văn S có con chung là cháu Đồng Thị Yến Nh, sinh ngày 23/5/2014. Bà D xác định hiện nay cháu Nh đang sinh sống cùng với ông S. Bà D đã Nhều lần yêu cầu ông S mang cháu Nh đến Tòa án để tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu Nh sau khi ly hôn thì cháu Nh sẽ ở với ai nhưng ông S không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, bà D có văn bản xác định hiện nay cháu Nh đang sinh sống, học tập và được gia đình ông S chăm sóc chu đáo nên đồng ý giao cháu Nh cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị D và việc không thể ghi nhận ý kiến của cháu Nh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu Nh cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Đồng Thị Yến Nh, khi bà D hoặc ông S có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D đối với ông Đồng Văn S về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D được ly hôn đối với ông Đồng Văn S.

- Về con chung: Ông Đồng Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đồng Thị Yến Nh, sinh ngày 23/5/2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Bà Bùi Thị D có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0056393 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương